

Số: 11 /2025/TB-NTW

Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 02 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

- Mã chứng khoán: NTW
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0251 3560574 Fax: 0251 3560031
- Email: capnuocnhontrach.ntw@gmail.com Website: <http://www.ntw.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Năm 2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kiểm toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):
 - Có Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):
 - Có Không
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/02/2025 tại đường dẫn <https://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024

- Văn bản giải trình số

14/NTW ngày 06/02/2025



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /NTW

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2025

V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 so với năm 2023.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Mã chứng khoán niêm yết: NTW

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch giải trình tình hình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	% Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC	10.487.306.380	9.012.210.397	1.475.095.983	16,37 %

Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC :

1. Doanh thu và thu nhập khác năm 2024 đạt 171.052.939.679 đồng, tăng 18.544.923.627 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2023 (đạt 152.508.016.719 đồng), tương ứng mức tăng là 12,16%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	năm nay	năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng (cung cấp nước)	163.860.221.500	144.814.224.600	19.045.996.900	13,15%
Doanh thu cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	3.186.994.860	2.717.720.633	469.274.227	17,27%
Doanh thu tài chính	2.507.436.653	3.977.109.807	(1.469.673.154)	-36,95%
Thu nhập khác	1.498.286.666	998.961.012	499.325.654	49,98%
TỔNG CỘNG	171.052.939.679	152.508.016.052	18.544.923.627	12,16%

2. Tổng chi phí 2024 của Công ty đạt 158.904.129.389 đồng, so với cùng kỳ năm 2023 là 141.906.410.380 đồng tăng 16.997.719.009 đồng, tương ứng mức tăng là 11,98%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

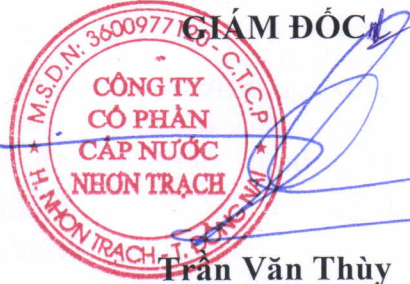
Hạng mục chi phí	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng (cung cấp nước)	140.137.000.078	128.297.902.332	11.839.097.746	9,23%
Giá vốn cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	1.575.174.464	1.423.938.948	151.235.516	10,62%
Chi phí bán hàng	4.693.299.958	3.776.940.429	916.359.529	24,26%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.181.858.060	7.209.553.441	3.972.304.619	55,10%
Chi phí khác	1.316.796.829	1.198.075.230	118.721.599	9,91%
TỔNG CỘNG	158.904.129.389	141.906.410.380	16.997.719.009	11,98%

3. Tổng hợp các yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng 1.475.095.983 đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương ứng mức tăng 16,37%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD; Đề b/c
- Ban Kiểm soát; Đề b/c
- Lưu VT.TCKT


Trần Văn Thùy



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600977120, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11 tháng 4 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 09 tháng 4 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NTW.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : +84 (251) 356 0574
- Fax : +84 (251) 356 0031

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình cấp thoát, trạm bơm;
- Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Phân phối nước sạch;
- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng- công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán - tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Ngô Dương Đại	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Ông Khương Thang Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Anh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Bà Tô Thị Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Bà Đặng Thị Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Văn Thủy	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Trần Văn Thủy - Giám đốc Công ty, bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

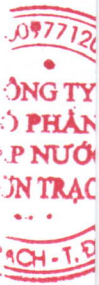
Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Số: 1.0104/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Cao Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.739.666.653	80.641.797.022
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.512.766.553	5.687.077.538
1. Tiền	111		10.512.766.553	2.687.077.538
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.500.000.000	55.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	66.500.000.000	55.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.703.196.743	12.527.405.776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.465.832.675	12.071.369.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	362.345.022	291.371.922
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	413.408.808	992.390.403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(538.389.762)	(827.726.487)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.263.096.561	5.533.254.937
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.517.895.469	5.533.254.937
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(254.798.908)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		760.606.796	1.894.058.771
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		622.110.706	1.894.058.771
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	138.496.090	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.179.575.240	104.990.115.073
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.399.370.132	104.048.417.501
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	98.894.406.952	103.531.111.205
- Nguyên giá	222		280.460.117.971	274.335.423.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(181.565.711.019)	(170.804.311.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	504.963.180	517.306.296
- Nguyên giá	228		1.062.156.000	1.062.156.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(557.192.820)	(544.849.704)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		308.234.301	230.636.742
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	308.234.301	230.636.742
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		471.970.807	711.060.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	471.970.807	711.060.830
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.919.241.893	185.631.912.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.588.293.989	18.614.005.323
I. Nợ ngắn hạn	310		27.588.293.989	18.614.005.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	17.022.416.950	12.950.553.486
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	941.583.524	112.768.743
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.207.618.291	693.222.287
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.700.013.130	1.551.658.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	104.912.945	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	231.820.457	248.813.290
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.379.928.692	3.056.989.444
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.330.947.904	167.017.906.772
I. Vốn chủ sở hữu	410		166.330.947.904	167.017.906.772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	30.786.759.820	28.984.317.741
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	29.501.049.673	31.990.450.620
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		19.013.743.293	31.990.450.620
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.487.306.380	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.919.241.893	185.631.912.095

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Trần Văn Thùy
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

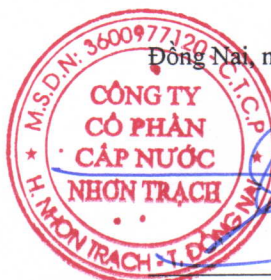
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	167.047.216.360	147.531.945.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		167.047.216.360	147.531.945.233
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	141.712.174.542	129.721.841.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.335.041.818	17.810.103.953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.507.436.653	3.977.109.807
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	4.693.299.958	3.776.940.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.181.858.060	7.209.553.441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.967.320.453	10.800.719.890
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.498.286.666	998.961.012
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.316.796.829	1.198.075.230
13. Lợi nhuận khác	40		181.489.837	(199.114.218)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.148.810.290	10.601.605.672
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.661.503.910	1.589.395.275
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.487.306.380</u>	<u>9.012.210.397</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>908</u>	<u>750</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>908</u>	<u>750</u>

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Trần Văn Thùy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.148.810.290	10.601.605.672
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	11.231.234.148	12.345.176.324
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(34.537.817)	(1.011.018.828)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6, VI.7	(2.588.957.932)	(3.977.109.807)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.756.548.689	17.958.653.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.653.139.108	1.902.053.528
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.359.468	461.040.474
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.292.181.829	2.425.799.667
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		239.090.023	(309.114.802)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.389.395.275)	(1.535.850.998)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(851.326.000)	(1.926.690.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.715.597.842	18.975.890.400
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10, V.12	(4.508.674.834)	(4.683.633.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		81.521.279	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(105.000.000.000)	(22.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	93.500.000.000	9.612.026.133
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	3.101.295.278	3.696.295.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.825.858.277)	(13.375.312.255)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.19	(10.064.050.550)	(10.061.956.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.064.050.550)	(10.061.956.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.825.689.015	(4.461.377.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.687.077.538	10.148.455.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.512.766.553	5.687.077.538

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Trần Văn Thùy
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 78 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (49 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận vào từng kỳ (mỗi tháng) dựa trên khối lượng nước (m³) mà khách hàng đã tiêu dùng (chỉ số đồng hồ nước cuối kỳ trừ chỉ số đồng hồ nước đầu kỳ) nhân với đơn giá nước định mức lũy tiến đối với hộ dân cư, đối với các khách hàng còn lại áp dụng đơn giá cố định được công ty công bố theo từng thời điểm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.895.548	43.112.574
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.498.871.005	2.643.964.964
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	3.000.000.000
Cộng	10.512.766.553	5.687.077.538

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 3,8%/năm đến 6,5%/năm.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 0 VND (năm trước là 178.379.464 VND).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	351.809.431	351.809.431
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	351.809.431	351.809.431
Phải thu các khách hàng khác	10.114.023.244	11.719.560.507
Phải thu khách hàng cung cấp nước	9.822.453.260	10.872.027.122
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	291.569.984	847.533.385
Cộng	10.465.832.675	12.071.369.938

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn	177.111.000	177.111.000
Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất tỉnh Đồng Nai	42.260.922	42.260.922
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Véc Tơ	72.000.000	72.000.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Việt Nam	58.187.100	-
Các nhà cung cấp khác	12.786.000	-
Cộng	362.345.022	291.371.922

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	254.798.908	-	848.657.533	-
Tạm ứng	90.100.000	-	71.182.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	68.509.900	-	72.550.870	-
Cộng	413.408.808	-	992.390.403	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	177.111.000	-	Trên 03 năm	177.111.000	-
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đại Phước - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	157.982.600	-	Trên 03 năm	171.982.600	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	400.143.208	400.143.208	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	400.143.208	120.042.962
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	158.918.010	-	Trên 03 năm	148.311.286	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	44.378.152	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.588.677	11.276.604
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu khách hàng	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	47.818.563	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	47.818.563	23.909.281
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	42.260.922	42.260.922	Trên 03 năm	42.260.922	42.260.922
Cộng		980.793.892	442.404.130		1.025.216.256	197.489.769

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	827.726.487	1.838.745.315
Hoàn nhập dự phòng	(289.336.725)	(1.011.018.828)
Số cuối năm	538.389.762	827.726.487

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.024.794.430	(254.798.908)	3.114.517.763	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.178.526	-	2.402.832.519	-
Công cụ, dụng cụ	2.443.922.513	-	15.904.655	-
Cộng	5.517.895.469	(254.798.908)	5.533.254.937	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	254.798.908	-
Số cuối năm	254.798.908	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.346.901.220	36.040.684.401	190.462.772.052	1.485.065.519	274.335.423.192
Mua trong năm	-	190.622.862	-	-	190.622.862
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	6.391.563.917	-	6.391.563.917
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(457.492.000)	-	(457.492.000)
Số cuối năm	46.346.901.220	36.231.307.263	196.396.843.969	1.485.065.519	280.460.117.971
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.353.560.919	28.372.752.937	63.970.043.030	1.334.475.519	117.030.832.405
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29.869.723.346	31.124.850.196	108.374.788.646	1.434.949.799	170.804.311.987
Khấu hao trong năm	1.205.010.674	1.002.348.396	8.981.413.966	30.117.996	11.218.891.032
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(457.492.000)	-	(457.492.000)
Số cuối năm	31.074.734.020	32.127.198.592	116.898.710.612	1.465.067.795	181.565.711.019
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.477.177.874	4.915.834.205	82.087.983.406	50.115.720	103.531.111.205
Số cuối năm	15.272.167.200	4.104.108.671	79.498.133.357	19.997.724	98.894.406.952
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Số cuối năm	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	445.000.000	445.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	99.849.704	445.000.000	544.849.704
Khấu hao trong năm	12.343.116	-	12.343.116
Số cuối năm	112.192.820	445.000.000	557.192.820
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	517.306.296	-	517.306.296
Số cuối năm	504.963.180	-	504.963.180
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ	227.000.378	-	-	227.000.378
Tuyến ống cấp nước D400 từ Trung Tâm huyện Nhơn Trạch đi nhà máy nước Đại Phước	-	73.597.559	-	73.597.559
Tuyến ống cấp nước các hẻm Xã Đại Phước	-	1.267.826.469	(1.267.826.469)	-
Tuyến ống cấp nước các hẻm Xã Phú Đông	-	2.477.748.381	(2.477.748.381)	-
Xây dựng tuyến ống cấp nước đường Trần Phú-Bot nối cao tốc	-	825.059.924	(825.059.924)	-
Lắp đặt tuyến ống cấp nước các hẻm thị trấn Hiệp Phước (8 hẻm)	-	1.744.538.402	(1.744.538.402)	-
Công trình tuyến ống cấp nước D160 đường Trần Phú	-	76.390.741	(76.390.741)	-
Các công trình khác	3.636.364	4.000.000	-	7.636.364
Cộng	230.636.742	6.469.161.476	(6.391.563.917)	308.234.301

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	25.424.745	25.031.715
Chi phí sửa chữa	164.243.608	437.029.634
Các chi phí trả trước dài hạn khác	282.302.454	248.999.481
Cộng	471.970.807	711.060.830

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	4.456.689.825	4.030.128.375
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	4.456.689.825	4.030.128.375
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.565.727.125	8.920.425.111
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	8.465.060.116	5.630.627.651
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Tín Nghĩa	3.316.482.227	1.846.099.198
Các nhà cung cấp khác	784.184.782	1.443.698.262
Cộng	17.022.416.950	12.950.553.486

Trong đó, số dư công nợ phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định cuối năm là 3.997.208.702 VND (đầu năm là 1.846.099.198 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đệ Tam	629.119.433	-
Các khách hàng khác	312.464.091	112.768.743
Cộng	941.583.524	112.768.743

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	589.395.275	-	1.661.503.910	(2.389.395.275)	-	138.496.090
Thuế thu nhập cá nhân	21.700.000	-	234.771.632	(237.571.632)	18.900.000	-
Thuế tài nguyên	61.416.608	-	856.063.779	(843.849.748)	73.630.639	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.093.966.188	-	1.093.966.188	-
Phí bảo vệ môi trường	20.710.404	-	89.943.308	(89.532.248)	21.121.464	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	693.222.287	-	3.939.248.817	(3.563.348.903)	1.207.618.291	138.496.090

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp chế xuất 0%
- Cung cấp nước sạch cho các đối tượng khác 5%
- Cung cấp vật tư, dịch vụ khác

Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 áp dụng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau

08 hoặc 10%

Từ ngày 01/07/2024 đến 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau

08 hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.148.810.290	10.601.605.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	554.894.889	737.610.000
Thu nhập chịu thuế	12.703.705.179	11.339.215.672
Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	8.792.371.261	6.784.478.598
Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	3.911.333.918	4.554.737.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.540.741.036	2.267.843.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(879.237.126)	(678.447.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.661.503.910	1.589.395.275

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm dùng cho việc cung cấp nước sạch với mức thuế suất là 05%.

Phí bảo vệ môi trường

Mức phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí tiền điện phải trả.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	135.563.480	199.614.030
Phí nước thải phải nộp	65.566.827	18.509.110
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	30.690.150	30.690.150
Cộng	231.820.457	248.813.290

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.817.216.164	270.366.312	(593.130.000)	1.494.452.476
Quỹ phúc lợi	1.239.773.280	811.098.936	(165.396.000)	1.885.476.216
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	92.800.000	(92.800.000)	-
Cộng	3.056.989.444	1.174.265.248	(851.326.000)	3.379.928.692

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	6.043.138.411	27.167.214.569	35.988.215.299	169.198.568.279
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.012.210.397	9.012.210.397
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1.817.103.172	(3.009.975.076)	(1.192.871.904)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	6.043.138.411	28.984.317.741	31.990.450.620	167.017.906.772
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	6.043.138.411	28.984.317.741	31.990.450.620	167.017.906.772
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	10.487.306.380	10.487.306.380
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.802.442.079	(2.976.707.327)	(1.174.265.248)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	6.043.138.411	30.786.759.820	29.501.049.673	166.330.947.904

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	52.437.360.000	52.437.360.000
America LLC	14.930.050.000	14.922.050.000
Các cổ đông khác	32.632.590.000	32.640.590.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 11 tháng 4 năm 2024 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích Quỹ đầu tư phát triển:	1.802.442.079
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	991.343.144
• Trích Quỹ công tác xã hội cộng đồng:	90.122.104
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty:	92.800.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền với tỷ lệ là 10% mệnh giá cổ phiếu:	10.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp nước sạch	163.860.221.500	144.814.224.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	3.186.994.860	2.717.720.633
Cộng	167.047.216.360	147.531.945.233

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Cung cấp nước sạch	81.627.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2		
Cung cấp nước sạch	4.351.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp nước sạch	140.137.000.078	128.297.902.332
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	1.575.174.464	1.423.938.948
Cộng	<u>141.712.174.542</u>	<u>129.721.841.280</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.491.724.937	3.965.396.072
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.711.716	11.713.735
Cộng	<u>2.507.436.653</u>	<u>3.977.109.807</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.055.727.763	2.396.904.812
Chi phí vật liệu, bao bì	1.173.153.039	992.874.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.634.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.200.251	183.819.369
Các chi phí khác	161.218.905	188.706.611
Cộng	<u>4.693.299.958</u>	<u>3.776.940.429</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.410.517.048	5.878.610.652
Chi phí vật liệu quản lý	563.575.445	260.629.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.571.370	1.099.756.045
Thuế, phí và lệ phí	1.096.966.188	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(289.336.725)	(1.011.018.828)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.484.804	370.518.455
Các chi phí khác	692.079.930	608.057.240
Cộng	<u>11.181.858.060</u>	<u>7.209.553.441</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	89.090.909	-
Thu nhập từ cho thuê lại tuyến ống	1.307.132.310	918.075.230
Thu nhập khác	102.063.447	80.885.782
Cộng	<u>1.498.286.666</u>	<u>998.961.012</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí sử dụng tuyến ống	1.307.132.310	918.075.230
Chi phí thanh lý tài sản cố định	7.569.630	-
Chi phí khác	2.094.889	280.000.000
Cộng	<u>1.316.796.829</u>	<u>1.198.075.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.487.306.380	9.012.210.397
Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(1.261.534.353)	(1.416.465.248)
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý ⁽ⁱ⁾	(151.384.122)	(92.800.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.077.812.402	7.502.945.149
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>908</u>	<u>750</u>

(i) Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2024 của Công ty đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, Công ty ước tính dự kiến các khoản giảm trừ để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và xã hội tính theo tỷ lệ trích là 12% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2024 của Công ty.
- Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý: tính theo tỷ lệ trích là 1,44% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Tỷ lệ này xác định theo quỹ thưởng người quản lý kế hoạch (1,5 tháng lương bình quân thực hiện) chia cho lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế hoạch.

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế phát sinh. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 784 VND xuống 750 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.688.432.409	3.784.967.361
Chi phí nhân công	16.991.272.643	13.346.428.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.231.234.148	12.345.176.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.316.095.850	109.776.053.037
Chi phí khác	3.360.297.510	1.455.710.207
Cộng	<u>157.587.332.560</u>	<u>140.708.335.150</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	30.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	108.000.000	240.220.532
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị /Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	487.772.727	454.595.689
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	337.500.000	319.664.890
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	21.500.000
Ông Vũ Văn Luyên	Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	21.500.000
Ông Khương Thanh Hào	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	82.000.000	54.000.000
Bà Nguyễn Thùy Trang	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	82.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Anh Tân	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	82.000.000	54.000.000
Bà Vũ Thị Oanh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	305.909.090	157.363.637
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	90.955.251
Ông Trần Hoàng Anh Phuong	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	70.000.000	45.000.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liên	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	13.000.000
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	13.000.000
Bà Tô Thị Thanh Hà	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	53.000.000	36.000.000
Bà Đặng Thị Tú	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2023)	53.000.000	36.000.000
Cộng		1.661.181.817	1.640.799.999

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai		
Mua nước	48.575.520.000	51.456.671.000
Trả cổ tức	5.243.736.000	5.243.736.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 98,09% doanh thu) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Đồng Nai.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Trần Văn Thùy
Giám đốc



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office	: 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	Tel: +84 (028) 3547 2972	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	Tel: +84 (024) 3736 7879	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam	Tel: +84 (0258) 246 5151	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	Tel: +84 (0292) 376 4995	kttv.ct@a-c.com.vn